

Bản án số: 36/2023/HS-ST

Ngày 21-9-2023

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hứa Quang Thông

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Hữu Phúc

Nơi công tác: Cán bộ hưu trí.

Bà Tô Thị Bảo Ánh

Nơi công tác: Đoàn thanh niên thị trấn Tràm Chim.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Lê Kim Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 37/2023/TLST-HS ngày 11 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2023/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 9 năm 2023, đối với:

**- Các bị cáo:**

**1.** Trương Văn H, sinh ngày 10/4/1997; tên gọi khác: Không; nơi sinh: Campuchia; nơi cư trú: ấp D, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn O, sinh năm 1977 và bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1979; có vợ Huỳnh Thị C, sinh năm 1995 (đã ly hôn) và có 02 người con, lớn sinh năm 2012 và nhỏ sinh năm 2012; tiền án: Không; tiền sự: Không; tạm giữ: Không; tạm giam: Không; Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 25/LC-CĐKNCT ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Công an huyện T, có mặt.

**2.** Trương Minh N, sinh ngày 01/01/1987; tên gọi khác: Không; nơi sinh: tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: ấp D, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không;

quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Minh C1, sinh năm 1966 và bà Lê Thị T1, sinh năm 1966; có vợ Nguyễn Thị Kim X, sinh năm 1988 (đã ly hôn) và có 01 người con sinh năm 2008; tiền án: Không; tiền sự: Không; tạm giữ: Không; tạm giam: Không; Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 26/LC-CĐKNCT ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Công an huyện T, *có mặt*.

- *Bị hại*: Trần Minh N1, sinh năm 1995, *có đơn xin vắng mặt*.

Địa chỉ: ấp D, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Hà Văn S, sinh năm 1984, *có đơn xin vắng mặt*.

2. Lê Thị T1, sinh năm 1966, *vắng mặt*.

Địa chỉ: ấp D, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Phạm Bích D, sinh năm 1984, *vắng mặt*.

Địa chỉ: ấp B, xã B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Nơi ở hiện tại: khóm D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng*:

1. Trần Thiện T2, sinh năm 1965, *vắng mặt*.

2. Trần Chí T3, sinh năm 1997, *vắng mặt*.

3. Nguyễn Văn T4, sinh năm 1993, *vắng mặt*.

4. Huỳnh Thị Mười B, sinh năm 1979, *vắng mặt*.

Địa chỉ: ấp D, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

5. Nguyễn Thanh Q, sinh ngày 08/01/2006, *vắng mặt*.

(Người đại diện hợp pháp cho Nguyễn Thanh Q, có mẹ ruột là bà Đỗ Cẩm T5, sinh năm 1985), *vắng mặt*.

Địa chỉ: ấp D, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

6. Nguyễn Thị V, sinh năm 1961, *vắng mặt*.

Địa chỉ: khóm D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ ngày 08/4/2023, Trương Văn H đến nhậu tại sạp bán đồ nướng của ông N2 ở trước cửa chợ H1 thuộc ấp D, xã H, đến khoảng 18 giờ 30 phút thì ông Trần Thiện T2 (tự P) đến mua đồ nướng và vào nhậu chung với H. Đến khoảng 19 giờ thì ông Trần Thiện T2 (P) rủ H đến cửa hàng điện thoại di động Minh N1 (do anh Trần Minh N1 làm chủ giao cho ông T2 là cha ruột ngủ giữ trong khu vực chợ H1 thuộc ấp D, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp) để nhậu tiếp, H đồng ý và khi về cửa hàng ông T2 mở cửa kéo ở giữa ra và ngồi dưới nền xi măng trước cửa hàng nhậu cùng với H, nhậu được khoảng 1 tiếng đồng hồ thì ông T2 xin ngồi gục gật trước cửa hàng, H thấy ông T2 nhậu không nổi nên định bỏ đi tìm chỗ khác khác nhậu mà không có tiền và thấy ông T2 xin không biết gì

nên đã nảy sinh ý định trộm điện thoại trong cửa hàng để bán nhưng chưa lấy trộm. Sau đó, do muốn đi nhậu xa nên H đi bộ về nhà mặc áo sơ mi dài tay rồi đi lại cửa hàng điện thoại Minh N1, thấy ông T2 vẫn ngồi ngủ (do nhậu xỉn) trước cửa hàng nên H đi vào bên trong cửa hàng, đến tủ trưng bày và bàn sửa điện thoại phía sau lấy được tổng cộng 06 cái điện thoại di động (không nhớ rõ vị trí và loại điện thoại cụ thể) gồm 02 điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng, 02 điện thoại di động hiệu HUAWEI màu xanh, 01 điện thoại di động hiệu OPPO A12 màu xanh và 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG màu đen, để tất cả vào trong 02 túi quần, đi đến nhà của Trương Minh N rủ N nhậu. Lúc này, N đang nhậu với T6, khi thấy H, T6 mang theo thùng bia bỏ đi. N đồng ý đi chỗ khác nhậu với H nhưng nói không có tiền; H lấy trong túi ra nhiều điện thoại di động vừa trộm được cho N xem, N hỏi ở đâu mà có thì H nói lấy chỗ cửa hàng ông T2 và rủ N đi kiểm chỗ cầm điện thoại để lấy tiền đi nhậu. N đồng ý đi cùng H đến nhà của Hà Văn S, ngụ ấp D, xã H để cầm điện thoại, trên đường đi H đưa cho N 01 cái điện thoại di động hiệu OPPO A37 màu vàng để đi cầm, nhưng khi đến nơi thì ông S ngủ, H tiếp tục kêu đến nhà Nguyễn Thanh Q, ngụ ấp D, xã H, huyện T để tiếp tục cầm. Do Q không có ở nhà nên người thân gọi điện thoại kêu Q về; N và H bỏ đi đến đường lớn hướng về xã T, huyện T, thấy Q chạy về, tất cả đứng dưới đèn đường để nói chuyện. H lấy điện thoại di động trộm được đưa cho Q xem, do thấy điện thoại đời cũ nên Q không đồng ý cầm, N thấy vậy nên lấy điện thoại di động của cá nhân N, loại OPPO Reno đưa cho Q xem. Q đồng ý cầm giá 1.500.000 đồng với 02 điện thoại di động gồm 01 điện thoại của riêng N và 01 điện thoại di động hiệu Huawei màu xanh lá do trộm được mà có. Hai bên thống nhất, Q kêu lại nhà Q lấy tiền. N và H đi bộ lại nhà Q, trên đường Đ đưa cho N thêm 03 điện thoại di động nữa để giữ (lúc này N giữ 04 điện thoại di động trộm mà có gồm 01 điện thoại di động hiệu OPPO A37 màu vàng; 01 điện thoại di động hiệu OPPO A12 màu xanh dương; 01 điện thoại di động hiệu OPPO F1S màu hồng và 01 điện thoại di động nhàn hiệu HUAWEI màu xanh lá, đã bị sút màn hình), riêng H giữ lại 01 điện thoại di động hiệu Samsung A51 do còn mới. Sau khi lấy tiền xong, N mượn xe của người quen chở H đi đến quán N4 thuộc khóm D, thị trấn T để nhậu. Khi tới quán, N trả cho chủ tiệm 1.000.000 đồng tiền thiếu rồi vào nhậu. Đến khoảng gần 00 giờ ngày 09/4/2023 thì nghỉ, do không đủ tiền trả nên H đi gặp bà Phạm Bích D (nhà gần quán nhậu) lấy điện thoại di động S1 A51 giữ trước đó cầm được 500.000 đồng và quay lại trả tiền cho quán rồi cả hai đi về.

Đến chiều ngày 09/4/2023, N không có điện thoại xài nên lấy chiếc nhẫn vàng mẹ N đưa cho N để trả cho cậu N, nhưng N không trả mà bán lấy tiền và đến gặp Q chuộc 02 điện thoại di động với số tiền 1.530.000 đồng (trong đó 1.500.000 đồng là tiền cầm điện thoại còn 30.000 đồng là tiền lãi). Sau khi chuộc điện thoại xong N mang về nhà cất giữ, sau đó đi đến nhà của ông Hà Văn S bán điện thoại OPPO A37 màu vàng cho ông S với giá 200.000 đồng; sau đó gặp và cho Nguyễn Văn T4 (Tuấn N3) 01 điện thoại di động hiệu HUAWEI màu xanh lá, đã bị sút màn hình.

Đến chiều ngày 10/4/2023, ông T2 (P) chở ông S đến nhà của T4 để ông S lấy đồng hồ cho T4 mượn. Trong lúc nói chuyện, có người nói N cho T4 điện thoại di động nên ông T2 nghỉ ngơi và vào lấy điện thoại xem, thấy bị sứt màn hình nên ông T2 nói mang về dán lại giúp và ông T2 đem về và đưa điện thoại trên cho anh N1 xem, N1 xác định đây là điện thoại của khách đang sửa bị mất. Anh N1 mang điện thoại di động trên đến Công an xã H trình báo sự việc bị mất trộm và công an làm việc H, N thừa nhận hành vi trộm và giao nộp 04 cái điện thoại còn đang giữ (trong đó có 01 cái của riêng N). Đồng thời ông S sau khi nghe nói điện thoại mua của N liên quan đến điện thoại bị mất trộm nên cũng giao nộp cho Cơ quan Công an.

Tang vật thu giữ đã xử lý gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A12 màu xanh dương (đã qua sử dụng); 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37 màu vàng (đã qua sử dụng); 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S màu hồng (đã qua sử dụng); 01 điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI màu xanh lá, đã bị sứt nắp lưng phía sau (không xác định được đời máy); 01 điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI màu xanh lá, đã bị bung màn hình với thân máy (không xác định được đời máy); 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG A51 màu đen, ốp lưng màu xanh đen (đã qua sử dụng) của bị hại N1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO RENO 6 màu đen (đã qua sử dụng) của bị cáo N.

Bản kết luận định giá tài sản số: 12/KL-ĐGTS ngày 05/5/2023 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện T, kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A12 màu xanh dương, tài sản đã qua sử dụng, giá trị định giá 1.300.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37 màu vàng, tài sản đã qua sử dụng, giá trị định giá 500.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S màu hồng, tài sản đã qua sử dụng, giá trị định giá 900.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI màu xanh lá, đã bị sứt nắp lưng, tài sản đã qua sử dụng, giá trị định giá 100.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI màu xanh lá, đã bị bung màn hình với thân máy, tài sản đã qua sử dụng, giá trị định giá 100.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG A51 màu đen, ốp lưng màu xanh đen, tài sản đã qua sử dụng, giá trị định giá 2.700.000 đồng. Tổng giá trị tài sản định giá là 5.600.000 đồng.

Riêng về tài sản lấy trộm bị hại cho rằng bị mất khoảng 09 điện thoại di động nhưng không nhớ cụ thể loại gì ngoài 06 cái được thu hồi, chỉ nhớ còn mất 03 cái điện thoại (trong đó anh N1 đã bồi thường cho khách 01 cái điện thoại OPPO F11 Pro màu tím với số tiền 4.350.000 đồng và trị giá 02 điện thoại bị mất còn lại khoảng 2.450.000 đồng), bị cáo H và N thừa nhận chỉ lấy 06 điện thoại di động như công an đã thu hồi, không có chứng cứ khác nên chấp nhận lời khai các bị cáo là phù hợp.

Tại Cáo trạng số: 37/CT-VKS-TN ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông đã truy tố bị cáo Trương Văn H phạm tội

“Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Trương Minh N phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên phân tích các tình tiết cấu thành tội phạm và khẳng định cáo trạng đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Trương Văn H, về tội “Trộm cắp tài sản” mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Tình tiết tăng nặng: Không.

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Trương Minh N, về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Tình tiết tăng nặng: Không.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo H và N.

Về vật chứng: Giữ nguyên theo Cáo trạng. Về trách nhiệm dân sự: Tại đơn xin xét xử vắng mặt bị hại N1 trình bày các bị cáo đã bồi thường xong 6.000.000đồng, không yêu cầu gì khác nên không xem xét.

- Bị cáo Trương Văn H khai: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản” như nội dung cáo trạng đã truy tố và bị cáo đã bồi thường xong số tiền 3.000.000đồng cho bị hại N1. Bị cáo không tham gia tranh luận, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo Trương Minh N khai: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản” như nội dung cáo trạng đã truy tố và bị cáo đã bồi thường xong số tiền 3.000.000đồng cho bị hại N1. Bị cáo không tham gia tranh luận, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ sau: Biên bản khám nghiệm hiện trường, Sơ đồ hiện trường cùng ngày 10/4/2023 và Bản ảnh hiện trường của Công an huyện T; Kết luận định giá tài sản số: 12/KL-ĐGTS ngày 05/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện T; Lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, cùng toàn bộ chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 18 giờ ngày 08/4/2023, bị cáo Trương Văn H đến nhậu tại sạp bán đồ nướng của ông N2 ở trước cửa chợ H1 thuộc ấp D, xã H, đến khoảng 18 giờ 30 phút thì ông Trần Thiện T2 (tự P) đến mua đồ nướng và vào nhậu chung với bị cáo. Đến khoảng 19 giờ thì ông T2 rủ bị cáo đến cửa hàng điện thoại di động Minh N1 (do anh Trần Minh N1 làm chủ giao cho ông T2 là cha ruột ngủ giữ trong khu vực chợ H1 thuộc ấp D, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp) để nhậu tiếp, bị cáo đồng ý và khi về đến cửa hàng, ông T2 mở cửa kéo ở giữa ra và ngồi dưới nền xi măng trước cửa hàng nhậu cùng với bị cáo, nhậu được khoảng 1 tiếng đồng hồ thì ông T2 xin ngồi gục gât trước cửa hàng, bị cáo thấy ông T2 nhậu không nổi nên định bỏ đi tìm chỗ khác khác nhậu mà không có tiền. Lúc đó, thấy ông T2 xin không biết gì nên bị cáo đã nảy sinh ý định trộm điện thoại trong cửa hàng để bán nhưng chưa lấy trộm. Sau đó, bị cáo đi bộ về nhà mặc áo sơ mi dài tay rồi đi lại cửa hàng điện thoại Minh N1, thấy ông T2 vẫn ngồi ngủ (do nhậu xin) trước cửa hàng nên bị cáo lén lút đi vào bên trong cửa hàng điện thoại di động của anh Trần Minh N1, lấy tổng cộng 06 điện thoại di động (gồm: 02 điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng, 02 điện thoại di động hiệu HUAWEI màu xanh, 01 điện thoại di động hiệu OPPO A12 màu xanh và 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG màu đen) để tất cả vào trong 02 túi quần, đi đến nhà của bị cáo Trương Minh N, lấy cho bị cáo N xem, lúc này bị cáo N biết điện thoại do trộm được mà có và đồng ý cất giữ 05 điện thoại di động do bị cáo H trộm (mục đích đi cầm để lấy tiền trả tiền quán nhậu). Sau đó, cả hai bị cáo N và H đã cầm cho Nguyễn Thanh Q 02 điện thoại di động gồm 01 điện thoại của riêng bị cáo N và 01 điện thoại di động hiệu Huawei màu xanh lá do bị cáo H trộm với giá 1.500.000 đồng (sau đó bị cáo N đã chuộc lại và cất giữ). Tiếp tục bị cáo N bán cho ông Hà Văn S 01 điện thoại di động hiệu OPPO A37 với giá 200.000 đồng và bị cáo N cho Nguyễn Văn T4 01 điện thoại di động hiệu HUAWEI màu xanh lá, đã bị sút màn hình đều do bị cáo H trộm mà có. Bị cáo N còn giữ lại 03 điện thoại, chưa kịp tiêu thụ hết thì bị ông T2 phát hiện trình báo Công an theo Kết luận định giá tổng giá trị tài sản bị cáo H chiếm đoạt nêu trên của anh N1 là: 5.600.000 đồng

Hành vi của bị cáo H là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo trực tiếp thực hiện trộm cắp tài sản, hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất ổn định an ninh trật tự ở địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo có hành vi chiếm đoạt tài sản 06 cái điện thoại nêu trên có tổng giá trị là 5.600.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo

khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự mà Viện kiểm sát truy tố bị cáo hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, mức hình phạt theo điều luật quy định là phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Đối với hành vi của bị cáo N biết bị cáo H trộm 06 cái điện thoại nhưng vẫn đồng ý nhận 05 cái điện thoại do bị cáo H trộm cắp mà có mục đích bán để tiêu xài cùng với bị cáo H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự mà Viện kiểm sát truy tố bị cáo hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, mức hình phạt theo điều luật quy định là phạt tiền từ 10.000.000đồng đến 100.000.000đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3] Hình phạt bổ sung: Xét thấy, bản thân bị cáo H làm thuê thu nhập không ổn định và bị cáo N làm ruộng thu nhập thấp nên không áp dụng.

[4] Quyền sở hữu tài sản hợp pháp của mỗi người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, bất kỳ ai xâm phạm đến tài sản của người khác trái pháp luật sẽ bị trừng trị. Tình hình tội phạm về trộm cắp tài sản và hậu quả gây mất an ninh trật tự xã hội hiện nay, gây phản nộ trong quần chúng nhân dân. Bản thân bị cáo H có khả năng nhận thức được điều này nhưng vì muốn có tiền tiêu xài mà bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản nhằm phục vụ cho lợi ích cá nhân.

Đối với bị cáo N, bản thân bị cáo có khả năng nhận thức được điều này nhưng vì muốn có tiền tiêu xài mà bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà cũng nhằm phục vụ cho lợi ích cá nhân.

Qua đó, thấy được ý thức xem thường pháp luật của các bị cáo nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo H và N đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bồi thường thiệt hại xong; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; Ngoài ra, bị cáo H có hoàn cảnh gia đình khó khăn là lao động chính và nuôi 02 con nhỏ; đối với bị cáo N có hoàn cảnh gia đình khó khăn là lao động chính và nuôi 01 con nhỏ nên được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình Sự. Tình tiết tăng nặng: Không.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại đơn xin vắng mặt ngày 15/9/2023, bị hại N1 trình bày đã nhận đủ tiền bồi thường là 6.000.000đồng của bị cáo H và N xong, không yêu cầu gì khác nên không xem xét.

Đối với Phạm Bích D yêu cầu bị cáo H trả lại số tiền 500.000 đồng (do công an đã thu hồi điện thoại di động do bị cáo H cầm), bị cáo H đã bồi thường xong, bà D không yêu cầu gì khác nên không xem xét.

Đối với Hà Văn S đã giao nộp lại điện thoại di động cho Cơ quan điều tra

do bị cáo N bán số tiền là 200.000đồng, ông S không yêu cầu bị cáo N phải trả số tiền trên nên không xem xét.

Đối với bà Lê Thị T1 (mẹ ruột bị cáo N) cho rằng có đưa cho bị cáo N 01 chiếc nhẫn 24K, trọng lượng 0,5 chỉ để trả cho chú Ú của bị cáo N, như sau đó bị cáo N đã bán số vàng trên để chuộc lại điện thoại, bà T1 không yêu cầu bị cáo N trả lại số vàng trên nên không xem xét.

[6] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A12 màu xanh dương (đã qua sử dụng), 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37 màu vàng (đã qua sử dụng), 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S màu hồng (đã qua sử dụng), 01 điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI màu xanh lá, đã bị sút nắp lưng phía sau (không xác định được đời máy), 01 điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI màu xanh lá, đã bị bung màn hình với thân máy (không xác định được đời máy), 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG A51 màu đen, ốp lưng màu xanh đen (đã qua sử dụng) của bị hại Trần Minh N1, Cơ quan điều tra đã trả bị hại N1 nhận lại xong nên không xem xét.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO RENO 6 màu đen (đã qua sử dụng) của cá nhân của bị cáo Trương Minh N. Xét thấy, quá trình điều tra do không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo N và Cơ quan điều tra đã trao trả lại cho bị cáo N xong nên không xem xét.

[7] Đối với Nguyễn Thanh Q, Hà Văn S, Phạm Bích D và Nguyễn Văn T4 là những người nhận cầm, mua lại và nhận cho điện thoại di động từ bị cáo H và bị cáo N. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định những người này không biết các tài sản trên do trộm mà có nên không có căn cứ xem xét truy cứu trách nhiệm.

[] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trương Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trương Văn H 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

**2.** Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trương Minh N phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Xử phạt bị cáo Trương Minh N 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

**3. Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Trương Văn H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Trương Minh N phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

**4. Bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tam Nông;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Tam Nông;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Tam Nông;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Hứa Quang Thông**